

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12- ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 7 - 2026
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12- ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Lê
- Ông Trần Đức Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ái Vi – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12- Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12- Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 115/2026/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2026 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2026/QĐXX - ST ngày 29 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn A, xã B, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt, xin vắng mặt)

Bị đơn: Chị Vi Thị L, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn C, xã D, thành phố Đồng Nai (nay là thôn E, xã D, thành phố Đồng Nai). (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Vi Thị L tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Viễn, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã Cát Tiên 3, tỉnh Lâm Đồng) vào ngày 22/8/2022. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã. Anh T và chị L đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Hiện nay, anh T nhận thấy tình cảm

vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Vi Thị L.

Về con chung: Anh T và chị L không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Vi Thị L mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12- Đồng Nai có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Đối với sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định, nguyên đơn vắng mặt và đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Anh T và chị L không có con chung, không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về án phí sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Phần thủ tục tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Vi Thị L. Hiện nay bị đơn cư trú tại xã D, thành phố Đồng Nai. Hội đồng xét xử thấy tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12- Đồng Nai.

[2] Đối với việc giải quyết vắng mặt của các bên đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T đã có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn chị Vi Thị L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã Gia Viễn, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã Cát Tiên 3, tỉnh Lâm Đồng) vào năm 2022. Điều này phù hợp với Trích lục kết hôn số 62/2026/TLKH – BS ngày 09/3/2026 của Ủy ban nhân dân xã Cát Tiên 3, tỉnh Lâm Đồng đã được anh T cung cấp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L là hợp pháp.

[4] Về mâu thuẫn gia đình: Anh T trình bày quá trình chung sống anh T và chị L phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay; điều này phù hợp với kết quả xác minh ngày 03/6/2026 của Ủy ban nhân dân xã Cát Tiên 3, tỉnh Lâm Đồng và ngày 14/5/2026 của Ủy ban nhân dân xã D, thành phố Đồng Nai. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị L là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng muốn ly hôn của anh T.

[5] Về con chung: Anh T và chị L không có con chung nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, buộc nguyên đơn anh T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T về việc ly hôn. Anh T được ly hôn với chị Vi Thị L.

2. Về con chung: Anh T và chị L không có nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005386 ngày 12/3/2026 của

Thị hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (nay là Thị hành án dân sự thành phố Đồng Nai).

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND TP. Đồng Nai;
- VKSND khu vực 12- Đồng Nai;
- THADS thành phố Đồng Nai;
- UBND xã Cát Tiên 3, tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Đào